

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 26/2012/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Lào Cai, ngày 14 tháng 12 năm 2012***NGHỊ QUYẾT**

Về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XIV - KỲ HỌP THÚ' 6**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 19/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 74/BC-HĐND ngày 05/12/2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh dự kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc quản lý

1.1. Đảm bảo sự thống nhất quản lý nhà nước về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai.

1.2. Tài sản nhà nước phải được đầu tư, trang bị theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Không được sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích cá nhân, cho thuê và mục đích kinh doanh khác.

1.3. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

1.4. Tài sản nhà nước phải được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật.

1.5. Việc mua sắm, thuê mướn, sửa chữa tài sản tại các cơ quan, đơn vị do cơ quan, đơn vị sắp xếp trong phạm vi nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giao dự toán hàng năm. Trong trường hợp cần thiết cấp bách, căn cứ vào khả năng ngân sách, các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài sản nhà nước và Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp quyết định bổ sung ngân sách để mua sắm tài sản nhà nước ngoài dự toán ngân sách hàng năm giao cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

1.6. Các cơ quan, đơn vị khi mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên bằng nguồn vốn nhà nước phải thực hiện đấu thầu, mua sắm theo quy định của Luật Đấu thầu, quy định của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước

2.1. Đối với tài sản là đất đai, việc xác định giá trị và cấp quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

2.2. Đối với tài sản là trụ sở làm việc, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.3. Đối với tài sản không thuộc quy định tại Khoản 2.1, Khoản 2.2 Mục này, thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện như sau:

2.3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với:

- Tài sản là phương tiện vận tải bao gồm: Ô tô, tàu, thuyền các loại;

- Tài sản khác còn lại có giá trị từ 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (gọi chung là 01 tài sản) trở lên.

2.3.2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp I của ngân sách tỉnh (gọi chung là cơ quan, đơn vị khối tỉnh) quyết định đối với tài sản có giá trị đến dưới 500 triệu đồng/01 tài sản. Trừ tài sản là phương tiện vận tải thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản của các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp huyện (gọi chung là cơ quan, đơn vị khối huyện) và các xã, phường, thị trấn (gọi chung là các xã), có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 tài sản (trừ tài sản quy định tại Điểm 2.3.1, Khoản 2.3, Mục 2).

2.3.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khối huyện, quyết định đối với tài sản có giá trị đến dưới 100 triệu đồng/1 tài sản (trừ tài sản quy định tại Điểm 2.3.1, Khoản 2.3, Mục 2).

3. Thẩm quyền thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi hình thức sở hữu và bán tài sản nhà nước

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản quy định tại Khoản 2.1; Khoản 2.2; Điểm 2.3.1, Khoản 2.3, Mục 2.

3.2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp I của ngân sách tỉnh có nguyên giá đến dưới 500 triệu đồng/1 tài sản và tài sản quy định tại Điểm 2.3.2, Khoản 2.3, Mục 2 nêu trên (trừ tài sản quy định tại Khoản 2.1; Khoản 2.2; Điểm 2.3.1, Khoản 2.3, Mục 2).

3.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị khối huyện và các xã có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 tài sản (trừ tài sản quy định tại Khoản 2.1; Khoản 2.2; Điểm 2.3.1, Điểm 2.3.2 của Khoản 2.3 Mục 2).

3.4. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố quyết định đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị khối huyện và các xã, có nguyên giá đến dưới 100 triệu đồng/1 tài sản (trừ tài sản quy định tại Khoản 2.1; Khoản 2.2; Điểm 2.3.1, Điểm 2.3.2 của Khoản 2.3 Mục 2).

4. Thẩm quyền thanh lý tài sản nhà nước

4.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản:

- Tài sản là trụ sở làm việc, vật kiến trúc có giá trị từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên;

Tài sản là trụ sở làm việc gồm: Nhà làm việc chính, vật kiến trúc khác trên cùng một thửa đất (nhà bếp, nhà công vụ, khu vệ sinh, bể nước, giếng nước, hàng rào, sân bãi,...), nếu các hạng mục, công trình có thể tách rời, theo dõi riêng về giá trị thì mỗi hạng mục, công trình đó được coi là 01 tài sản.

- Tài sản là phương tiện vận tải bao gồm: Ô tô, tàu, thuyền các loại.
- Tài sản khác còn lại (sau đây gọi chung là tài sản khác) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4.2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với:

- Tài sản là trụ sở làm việc, vật kiến trúc trên đất thuộc trụ sở các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.
- Tài sản khác của các cơ quan, đơn vị khối tỉnh có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4.3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khối tỉnh quyết định, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính đối với tài sản có nguyên giá đến dưới 100 triệu đồng/1 tài sản (trừ tài sản quy định tại Khoản 2.1; Khoản 2.2; Điểm 2.3.1, Khoản 2.3, Mục 2).

4.4. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với:

- Tài sản là trụ sở làm việc, vật kiến trúc trên đất thuộc trụ sở các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và các xã có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.
- Tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và các xã có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 tài sản.

4.5. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quyết định đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị khối huyện và các xã có nguyên giá từ 30 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 tài sản (trừ tài sản quy định tại Khoản 2.1; Khoản 2.2; Điểm 2.3.1, Khoản 2.3, Mục 2).

4.6. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khối huyện quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với tài sản có nguyên giá đến dưới 30 triệu đồng/1 tài sản (trừ tài sản quy định tại Khoản 2.1; Khoản 2.2; Điểm 2.3.1, Khoản 2.3, Mục 2).

5. Thẩm quyền tiêu huỷ tài sản nhà nước

5.1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị khối tỉnh.

5.2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị khối huyện và cấp xã.

5.3. Việc tiêu huỷ tài sản phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật.

6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị

6.1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê trụ sở làm việc cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh;

6.2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc cho các cơ quan, đơn vị khối huyện và cấp xã;

6.3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định thuê đối với các loại tài sản khác phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức chế độ và khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

7. Thẩm quyền quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng tài sản quyết định việc bảo dưỡng và sửa chữa tài sản. Việc bảo dưỡng và sửa chữa tài sản phải thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quy định.

8. Thẩm quyền quyết định việc cho thuê tài sản nhà nước

- Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng tài sản nhà nước không được sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích cá nhân, cho thuê và mục đích kinh doanh khác.

- Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được phép dùng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh liên kết theo Điều 32, 33 Luật Quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND ngày 15/7/2010 của HĐND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 6 - HĐND tỉnh Lào Cai khoá XIV, thông qua ngày 13/12/2012 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Phạm Văn Cường